

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2019



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 11
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	12
Báo cáo kiểm toán độc lập	13 - 14
Báo cáo thu nhập	15
Báo cáo tình hình tài chính	16 - 17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	18
Báo cáo danh mục đầu tư	19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	20 - 21
Thuyết minh báo cáo tài chính	22 - 52

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 5 năm 2019; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 9 tháng 8 năm 2019 và Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.658.181,28 chứng chỉ với tổng giá trị là 56.581.812.800 đồng, chiếm 113,16% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 59.283.805.500 đồng, tương đương với 5.928.380,55 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 8 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 8 năm 2019
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 8 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Đông, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

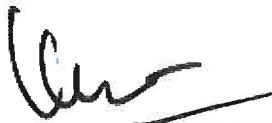
Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Mạc Quang Huy
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ:

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 5 năm 2019; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 9 tháng 8 năm 2019. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 1,69% và 1,75% so với ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập).

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ:

Chiến lược đầu tư của Quỹ là tìm kiếm lợi nhuận theo một chiến lược đầu tư minh bạch và nghiêm ngặt. Quỹ duy trì danh mục đa dạng các loại tài sản cho thu nhập cố định ở các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

Các loại tài sản Quỹ được đầu tư bao gồm tài sản có thu nhập cố định, cổ phiếu, công cụ phái sinh và các quyền tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ. Tùy theo tình hình thị trường, Quỹ sẽ đầu tư lên đến 100% tài sản của Quỹ vào các tài sản có thu nhập cố định. Quỹ sẽ không mua cổ phiếu nhưng có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt 20% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ đưa ra phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp, tuân thủ các quy định tại Điều lệ Quỹ. Dựa trên nhận định của Công ty Quản lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện phân bổ tài sản hợp lý nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

4. Phân loại Quỹ:

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Thấp

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

- Tổng giá trị tài sản ròng: 60.285.492.960 VND
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 5.928.380,55 chứng chỉ quỹ

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ: Lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 31/12/2019 (%)
Danh mục trái phiếu	36,59
Tài sản khác	63,41
Cộng	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2019
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	60.285.492.960
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	5.928.380,55
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	10.168,96
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.169,40
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	9.997,36
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	1,69%
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)	-0,21%
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	1,90%
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,20%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	111,49%

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

(b) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

(c) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ</i>	<i>Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ</i>
1 năm	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập	1,69%	1,75%
Từ khi thành lập/năm	Không áp dụng	Không áp dụng

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều bất ổn, tăng trưởng và thương mại toàn cầu giảm tốc do chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, kinh tế Việt Nam vẫn kết thúc năm 2019 khả quan với tất cả các chỉ tiêu đều vượt mục tiêu được Quốc hội phê duyệt. Một số điểm đáng chú ý như sau:

- ▶ Tăng trưởng GDP đạt 7,02% (mục tiêu: 6,2 - 6,8%, 2018: 7,08%). Mặc dù khối ngành nông, lâm, ngư nghiệp tăng trưởng chậm lại (chỉ tăng 2,01%), tăng trưởng được hỗ trợ bởi khối ngành Công nghiệp và Xây dựng (+8,9%) và khối ngành Dịch vụ (+7,3%).
- ▶ Vốn FDI giải ngân tiếp tục tăng trưởng, đạt 20,4 tỷ USD. Vốn FDI cấp phép mới và đăng ký bổ sung giảm 11,8% so với 2018, đạt 22,5 tỷ USD, chủ yếu do vốn FDI đăng ký trong lĩnh vực bất động sản giảm. FDI trong lĩnh vực chế biến, chế tạo chiếm tới 77,5% giá trị tổng FDI đăng ký và vẫn tăng 23,5% so với 2018.
- ▶ Thặng dư thương mại lập kỷ lục mới với 11,1 tỷ USD. Xuất khẩu tăng trưởng khá so với 2018, đạt 8,4% với 264,2 tỷ USD nhờ xuất khẩu sang Mỹ tăng mạnh (+29,1%, tương đương 61,3 tỷ USD). Nhập khẩu tăng trưởng 6,8%, đạt 253,1 tỷ USD.
- ▶ Lạm phát tiếp tục được kiểm soát (trung bình cả năm 2019 tăng 2,7%). Ngân hàng nhà nước cắt giảm 25 điểm phần trăm lãi suất điều hành vào tháng 9/2019 theo xu hướng nói lỏng tiền tệ ở nhiều nước trên thế giới.
- ▶ Tỷ giá ổn định với giá trị VNĐ gần như không đổi so với đầu năm 2019, dự trữ ngoại hối tăng cao, đạt khoảng 79 tỷ USD vào cuối năm 2019.
- ▶ Thâm hụt ngân sách được kiểm soát ở mức 3,4% GDP so với kế hoạch 3,6%.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

2. Thị trường trái phiếu

Trong năm 2019, Kho bạc Nhà nước đã phát hành 197,8 nghìn tỷ đồng, cao hơn 19,3% khối lượng phát hành năm 2018 và hoàn thành 71% kế hoạch phát hành cả năm 2019. Trái phiếu Chính phủ 10 năm và 15 năm tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cả khối lượng dự thầu (75%) và khối lượng phát hành (80%).

Lợi suất Trái phiếu Chính phủ giảm mạnh ở mọi kỳ hạn, mạnh nhất ở kỳ hạn 5 năm với 250 điểm. Giải ngân đầu tư công chậm, Ngân hàng nhà nước mua vào một lượng lớn USD (~20 tỷ USD) được cho là các nguyên nhân chính dẫn đến lợi suất Trái phiếu Chính phủ giảm mạnh, bên cạnh yếu tố lạm phát được kiểm soát và Ngân hàng nhà nước giảm lãi suất điều hành.

Trong năm 2019, giá trị Trái phiếu Doanh nghiệp phát hành đạt 296,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 67,4% khối lượng đăng ký. Ngân hàng và các công ty bất động sản chiếm tương ứng 35,8% và 28,7% tổng khối lượng phát hành. Trái phiếu Ngân hàng chủ yếu với kỳ hạn 2 đến 3 năm có lãi suất duy trì trong khoảng 6,7% đến 6,9%/năm tùy thuộc quy mô và định mức tín nhiệm của ngân hàng. Trái phiếu các công ty bất động sản có mức lãi suất trên dưới 11% trong khi các tổ chức phát hành khác có mức lãi suất dao động trong khoảng 10 đến 11%/năm.

3. Thị trường cổ phiếu

VN Index (VNI) tăng 7,7% trong năm 2019, so với mức giảm 9,3% của năm 2018. Thị trường năm 2019 có mức biến động thấp hơn so với năm trước và chỉ số hầu như đi ngang trong phạm vi từ 950 đến 1.000 điểm. Mức tăng 7,7% không phản ánh đầy đủ tình hình chung của toàn thị trường do mức tăng này chủ yếu được đóng góp bởi một số ít cổ phiếu vốn hóa lớn, như Vietcombank (VCB), Vingroup (VIC), BIDV (BID) và Vinhomes (VHM). Chỉ số VN30, vốn ít bị ảnh hưởng bởi các cổ phiếu vốn hóa lớn hơn VNI, chỉ tăng 2,8% trong khi chỉ số VN70 và VNSML, tương ứng phản ánh biến động giá của các cổ phiếu vốn hóa vừa và cổ phiếu vốn hóa nhỏ, gần như không thay đổi. Hơn nữa, chỉ 1/3 trong số hơn 1.600 công ty niêm yết và đăng ký giao dịch trên sàn có mức tăng trưởng dương trong năm.

Tính trung bình cả năm 2019, giá trị giao dịch đạt 200,8 triệu USD/phiên, giảm khoảng 25,9% so với năm 2018. Thanh khoản thị trường năm 2019 nhìn chung kém khởi sắc do (1) tiến trình cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước diễn ra chậm và (2) dòng tiền bị thu hút bởi các kênh đầu tư khác (tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, vàng và bất động sản).

Nhà đầu tư nước ngoài duy trì trạng thái mua ròng 205,8 triệu USD trong năm 2019. Con số này thấp hơn đáng kể mức mua ròng 1,8 tỷ USD của năm 2018. Nếu loại bỏ một số thương vụ giao dịch thỏa thuận lớn, trên thực tế khối ngoại đã bán ròng trên sàn giao dịch liên tiếp trong 2 năm 2018-2019.

Trong năm 2019, có 7 trong số 12 nhóm ngành trong VNI có mức tăng trưởng dương. Ngành công nghệ thông tin có mức tăng trưởng cao nhất (+55,3%) nhờ Công ty cổ phần FPT (FPT) vẫn tiếp tục duy trì đà tăng trưởng lợi nhuận cao. Trong khi đó ngành Dịch vụ truyền thông tiếp tục giảm nhiều nhất (-14,6%), chủ yếu do sự sụt giảm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (YEG). Nhóm ngành Tài chính (+22,6%) và Bất động sản (+16,0%) đóng vai trò dẫn dắt thị trường trong năm. Trong khi đó, cổ phiếu ngành hàng tiêu dùng thiết yếu (-8,8%) kéo giảm đà tăng của chỉ số chung, chủ yếu do sự sụt giảm của Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN).

Xét về đóng góp của từng cổ phiếu, cổ phiếu VCB tăng 70,1% trong năm 2019, đóng góp 41,5 điểm tăng vào chỉ số VNI, giúp chỉ số này tăng 3,4% nhờ tăng trưởng lợi nhuận cao trong năm 2019 và hoàn thành thương vụ 400 triệu USD với FWD trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ. BID cũng đóng góp 14,3 điểm tăng cho chỉ số VNI, nhờ vào thông tin tích cực từ việc hoàn thành việc phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược là KEB Hana Bank. Ngoài ra, VIC và VHM đóng góp thêm 31,8 điểm tăng cho chỉ số. Ở phía ngược lại, SAB khiến chỉ số giảm 7,3 điểm do giá cổ phiếu đã điều chỉnh từ mức định giá tương đối cao và triển vọng tiêu cực của nhu cầu tiêu thụ bia nội địa sau khi Luật phòng chống tác hại của rượu bia và Nghị định 100 có hiệu lực. MSN cũng khiến chỉ số giảm 7,1 điểm, do thị trường lo ngại việc thu tóm VinCommerce và VinEco sẽ khiến kết quả kinh doanh của MSN bị ảnh hưởng mạnh trong những năm đầu sau sáp nhập.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)</i>
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	1,90
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	-0,21
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	1,69
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng

(a) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND</i>	<i>Tại ngày thành lập VND</i>	<i>Tỷ lệ thay đổi (%)</i>
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	60.285.492.960	56.581.817.062	6,55
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ	10.168,96	10.000,00	1,69

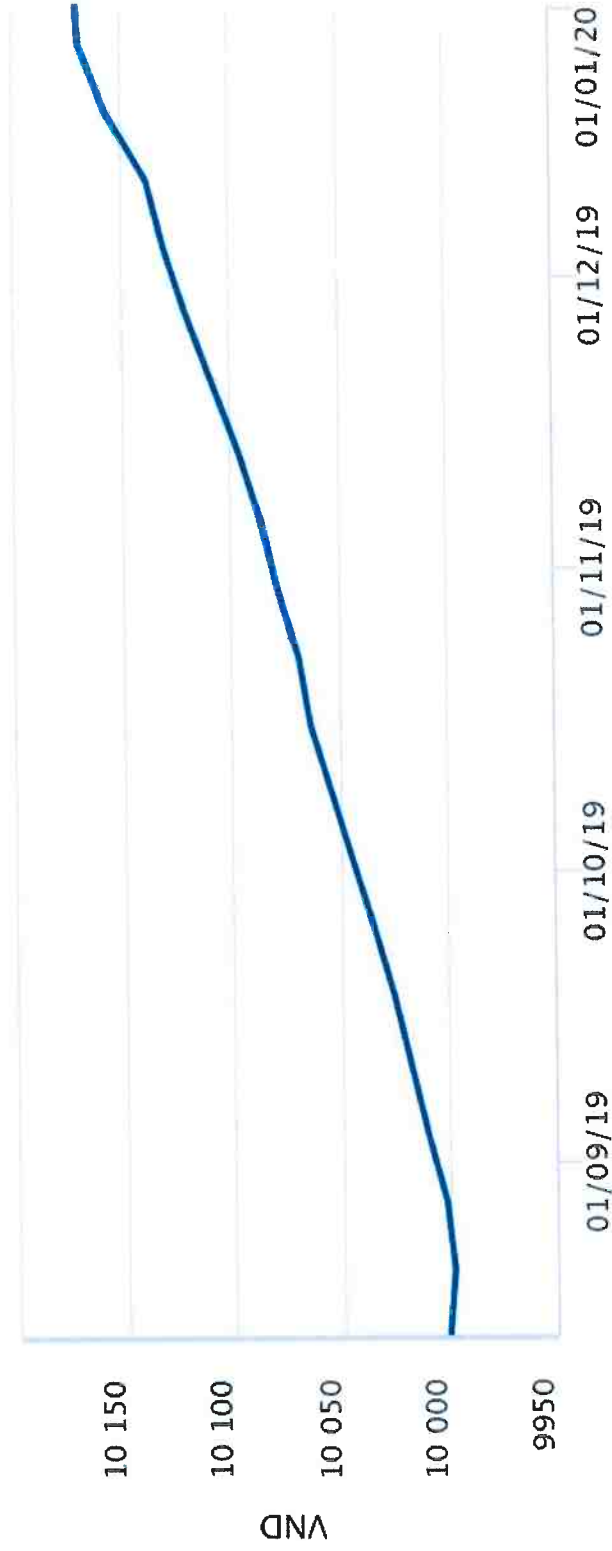
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	184	249.035,16	4,20
Từ 5.000 đến 10.000	15	107.930,00	1,82
Từ 10.000 đến 50.000	15	344.474,12	5,81
Từ 50.000 đến 500.000	3	226.941,27	3,83
Trên 500.000	1	5.000.000,00	84,34
Tổng cộng	218	5.928.380,55	100,00

3. Chi phí ngầm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Dịch viêm phổi cấp Covid-19 do SARS-CoV-2, sau khi khởi phát từ thành phố Vũ Hán, Trung Quốc tháng 12/2019, đến nay đã lan rộng ra 48 quốc gia và vùng lãnh thổ, với hơn 82.000 người nhiễm bệnh và hơn 2.700 tử vong¹ đã làm thay đổi toàn bộ nhận định của chúng tôi cũng như các chuyên gia phân tích khác đối với triển vọng kinh tế và thị trường năm 2020. Dịch bệnh đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới khối ngành dịch vụ, mà đầu tiên là hàng không, du lịch do khách du lịch Trung Quốc và Hàn Quốc tương ứng chiếm tới 32,2% và 23,8% tổng lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam năm 2019. Số lượng hành khách thông qua các cảng hàng không trong tháng 2/2020 ước giảm 11,6%, trong đó khách quốc tế ước giảm 29,8% so với cùng kỳ². Ngoài ra, Trung Quốc cũng chiếm tới 15,7% giá trị xuất khẩu và 29,8% giá trị nhập khẩu của Việt Nam năm 2019, sản xuất của Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng nếu dịch bệnh Covid-19 tiếp tục kéo dài. Theo thông tin từ Cục trưởng Cục Công nghiệp, các doanh nghiệp điện tử chỉ còn nguyên liệu sản xuất đến giữa hoặc cuối tháng 3, các doanh nghiệp dệt may, da giày cũng chỉ trữ nguyên liệu tới tháng 3 - tháng 4. Fitch Solutions đã hạ dự báo tăng trưởng của Việt Nam từ 6,8% xuống 6,3% trong năm 2020 vì sản xuất bị ảnh hưởng khi các chuỗi cung ứng bị gián đoạn do dịch bệnh Covid-19 cũng như tăng trưởng giảm sút của ngành dịch vụ trong nửa đầu năm 2020. Bộ kế hoạch đầu tư cũng đưa ra hai kịch bản tăng trưởng kinh tế, với kịch bản tốt là dịch được khống chế trong Quý 1/2020 thì tăng trưởng GDP 2020 dự kiến cũng chỉ đạt 6,25% so với kế hoạch ban đầu là 6,8%. Diễn biến này đã và đang ảnh hưởng mạnh tới thị trường chứng khoán.

¹Số liệu đến ngày 26/2/2020

²<https://vietstock.vn/2020/02/ba-kich-ban-cua-nganh-hang-khong-truoc-dich-covid-19-768-732960.htm>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Mặc dù đồng ý rằng có rủi ro khủng hoảng kinh tế toàn cầu nếu dịch tiếp tục kéo dài, chúng tôi tiếp tục lạc quan về triển vọng kinh tế của Việt Nam trong dài hạn. Nền kinh tế Việt Nam đã duy trì đà tăng trưởng nhanh hơn hầu hết các nước trong khu vực kể từ năm 2014, mặc dù mục tiêu ổn định vĩ mô, chứ không phải là tăng trưởng, mới là ưu tiên hàng đầu của Chính phủ. Tăng trưởng GDP hàng năm đã liên tục duy trì ở mức 6.0% - 7.0%, trong khi lạm phát bình quân được kiểm soát chặt chẽ ở mức dưới 4%. Trong cùng thời kỳ, Đồng Việt Nam đã trở thành một trong những đồng tiền ổn định nhất trong khu vực và dự trữ ngoại hối quốc gia cũng đã tăng lên tới 79 tỷ USD, gấp đôi so với năm 2014. Tăng trưởng tín dụng đã giảm dần từ mức 20% trong giai đoạn 2011 -14 xuống 18% trong giai đoạn 2015-16 và khoảng 14% trong giai đoạn 2017-19. Trong thập kỷ qua, sự phát triển của tầng lớp trung lưu đã khiến tiêu dùng cá nhân trở thành động lực tăng trưởng quan trọng nhất của nền kinh tế, với mức tăng trưởng danh nghĩa duy trì trên 10% trong những năm qua. Khu vực kinh tế tư nhân, được hỗ trợ bởi các chính sách khuyến khích tăng trưởng của Chính phủ, cũng đã vượt khu vực nhà nước và FDI, đóng góp đến 46% tổng vốn đầu tư của toàn xã hội vào năm 2019, so với mức 34% của 10 năm trước. Xuất khẩu cũng tăng trưởng mạnh mẽ nhờ động lực từ khối các doanh nghiệp FDI, khi Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Đầu tư công dự kiến sẽ được đẩy mạnh sau một vài năm trì trệ, đặc biệt là với nhu cầu cấp thiết phải hỗ trợ tăng trưởng trong bối cảnh Chính phủ chưa điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng cho năm 2020. Nghị quyết Chính phủ ban hành vào tháng 10 năm 2019 đã chỉ rõ việc giải ngân chậm các khoản đầu tư công chủ yếu là do sự yếu kém trong khâu lập kế hoạch đầu tư, phân bổ vốn, lựa chọn nhà thầu, bồi thường và giải phóng mặt bằng, v.v. Nghị quyết cũng đã đưa ra kế hoạch hành động cụ thể để giải quyết nút thắt cổ chai này, giúp giảm bớt lo ngại về việc đầu tư công tiếp tục trì trệ trước thềm cuộc bầu cử sắp tới. Với Luật Đầu tư công mới có hiệu lực từ đầu năm 2020, dự kiến việc giải ngân đầu tư công sẽ tăng tốc kể từ năm 2020 trở đi.

Với chính sách tiền tệ linh hoạt và kinh nghiệm điều hành của Ngân hàng nhà nước, lạm phát dự kiến sẽ được giữ ổn định trong các năm tới, giúp Việt Nam tránh được chu kỳ tăng trưởng nóng sau đó bị giảm mạnh ("boom and bust"). Đồng nội tệ sẽ tiếp tục được củng cố về mặt giá trị khi dòng vốn FDI tiếp tục tăng, không chỉ do chính sách China + 1, nhu cầu đầu tư vào Việt Nam để hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do, ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung mà còn do việc gián đoạn chuỗi cung ứng do dịch bệnh Covid-19 cũng sẽ thúc đẩy nhu cầu đa dạng hóa cơ sở sản xuất ngoài Trung Quốc; và xuất khẩu và du lịch sẽ tiếp tục tăng trưởng, sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát.

Định giá của thị trường đang ở mức hấp dẫn, kể cả khi so với mức bình quân trong quá khứ hay so với mức định giá của các thị trường khác trong khu vực, đặc biệt sau đợt giảm mạnh trong tháng 2/2020, với mức giá/lợi nhuận, P/E của VNIndex là 13,7 lần, giá/giá trị sổ sách, P/B 2,0 lần và cổ tức/giá D/P là 2,8%³. Thêm vào đó, định giá bình quân toàn thị trường còn bị làm sai lệch bởi một vài cổ phiếu vốn hóa lớn, thanh khoản cao và còn room nước ngoài. Lực cầu từ ETFs và các nhà đầu tư nước ngoài đã đẩy định giá các cổ phiếu này lên mức cao hơn rất nhiều so với các công ty vốn hóa nhỏ hơn và không còn room nước ngoài. Chúng tôi cho rằng định giá thị trường hiện tại là rất hấp dẫn so với triển vọng tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế Việt Nam.

³Nguồn: Bloomberg tại ngày 27/2/2020

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ, và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu VCBF ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 09 tháng 08 năm 2019 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ từ ngày 09 tháng 08 năm 2019 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

Theo Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC ("Thông tư 15") ngày 20 tháng 01 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 10, Điều lệ Quỹ quy định: "Quỹ trái phiếu là quỹ mở đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên." Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để đáp ứng quy định pháp luật hiện hành.

Từ kỳ định giá ngày 21 tháng 08 năm 2019 đến kỳ định giá ngày 28 tháng 08 năm 2019, tỷ trọng đầu tư của Quỹ vào trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư trong thời gian sớm nhất.

Tại ngày 31 tháng 08 năm 2019, Công ty Quản lý Quỹ đã điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.

Từ ngày 31 tháng 08 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 10, Điều Lệ Quỹ.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Từ ngày 09 tháng 08 năm 2019 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Phó Phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Trương Thị Hoàng Yến

Nhân viên bộ phận Giám sát

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Pham Hung, Me Tri Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 24) 3936 8000
Fax: (84 24) 3837 8356
Swift: SCBLNVX

Here for good

Số tham chiếu: 61141024/21455808

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Nhà đầu tư của Quỹ Đầu Tư Trái phiếu VCBF

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 15 đến trang 52, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thùy Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0893-2018-004-1

Vũ Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

**Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

BÁO CÁO THU NHẬP

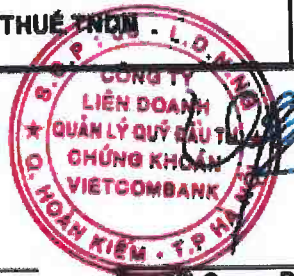
B01-QM

cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		1.510.656.589
03	1.2 Tiền lãi được nhận	14	1.630.863.846
05	1.4 Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	13	(120.207.257)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		3.393.014
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	15	3.393.014
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	16	511.854.747
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở		211.207.958
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		54.369.290
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		57.377.419
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		47.903.226
20.8	3.8 Chi phí kiểm toán		85.800.000
20.10	3.10 Chi phí hoạt động khác		55.196.854
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	12	995.408.828
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		995.408.828
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện	12	1.115.616.085
32	6.2 Lỗ chưa thực hiện	12	(120.207.257)
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		995.408.828



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31/12/2019 VND
100	I. TÀI SẢN		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	6.971.113.637
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		297.248.886
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	4	6.673.864.751
120	2. Các khoản đầu tư thuần		52.193.433.699
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	52.193.433.699
130	3. Các khoản phải thu		1.405.599.192
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		1.405.599.192
136	3.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	1.405.599.192
100	TỔNG TÀI SẢN		60.570.146.528
300	II. NỢ PHẢI TRẢ		
313	3. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	7	11.283.405
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		44.512
316	6. Chi phí phải trả	8	85.800.000
317	7. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	9	107.000.000
319	9. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	10	80.525.651
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		284.653.568
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (III=I-II)		60.285.492.960
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		59.283.805.500
412	1.1 Vốn góp phát hành	11	59.739.332.700
413	1.2 Vốn góp mua lại	11	(455.527.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		6.278.632
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	12	995.408.828
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	11	10.168,96

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	11, 17 18	5.928.380,55



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Ông Ngô Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ B03-QM
cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	56.581.817.062
II	Thay đổi NAV trong kỳ	995.408.828
II.1	Trong đó: - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	995.408.828
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	2.708.267.070
III.1	Trong đó: - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	3.167.299.730
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(459.032.660)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (IV = I + II + III)	60.285.492.960




Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
I	Trái phiếu			22.165.067.400	36,59%
1	Trái phiếu niêm yết			17.165.067.400	28,34%
1.1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup (VIC11814)	80.000	101.650,619	8.132.049.520	13,43%
1.2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN11906)	60.000	100.040,068	6.002.404.080	9,91%
1.3	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM11802)	30.000	101.020,460	3.030.613.800	5,00%
2	Trái phiếu chưa niêm yết			5.000.000.000	8,25%
2.1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	50.000	100.000,000	5.000.000.000	8,25%
II	Các tài sản khác			1.405.599.192	2,32%
1	Phải thu lãi trái phiếu			302.578.082	0,50%
2	Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi			1.091.208.219	1,80%
3	Phải thu lãi tiền gửi			11.812.891	0,02%
III	Tiền			36.999.479.936	61,09%
1	Tiền gửi ngân hàng			6.971.113.637	11,51%
	- Tiền gửi cho hoạt động của quỹ			297.248.886	0,49%
	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng			6.673.864.751	11,02%
2	Chứng chỉ tiền gửi			30.028.366.299	49,58%
IV	Tổng giá trị danh mục			60.570.146.528	100,00%



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B05-QM

cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN	12	995.408.828
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		206.007.257
	<i>Trong đó:</i>		
04	Chi phí trích trước	8	85.800.000
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		1.201.416.085
20	Tăng các khoản đầu tư		(52.313.640.956)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư	6	(1.405.599.192)
11	Giảm phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		(19.353.133)
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		44.512
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		96.952.000
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	10	80.525.651
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(52.359.655.033)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	11	3.167.299.730
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	11	(459.032.660)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.708.267.070
40	III. Giảm tiền thuần trong kỳ		(49.651.387.963)
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		56.622.501.600
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		56.622.501.600
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ		56.622.501.600
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		6.971.113.637
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		6.971.113.637
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		6.864.113.637
	<i>Trong đó:</i>		
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	4	6.673.864.751
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ	4	190.248.886
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ	4	107.000.000
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(49.651.387.963)

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (tiếp theo) B05-QM
cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 5 năm 2019; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 9 tháng 8 năm 2019 và Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHDQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.658.181,28 chứng chỉ với tổng giá trị là 56.581.812.800 đồng, chiếm 113,16% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 59.283.805.500 đồng, tương đương với 5.928.380,55 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định. Tài sản cho thu nhập cố định của Quỹ sẽ chủ yếu bao gồm trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được bảo lãnh của Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp. Trong trường hợp môi trường đầu tư tạm thời không phù hợp với các tài sản cố định nêu trên thì Quỹ có thể đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định khác. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỷ luật nhằm tạo dòng thu nhập đều đặn. Quỹ sẽ duy trì một danh mục đầu tư đa dạng gồm các tài sản có thu nhập cố định chủ yếu là trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được bảo lãnh bởi Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao. Dựa trên nhận định của Công ty Quản lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, tài sản của quỹ sẽ được phân bổ nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ Tư. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày định giá sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản dưới đây mà được phát hành bởi một công ty hoặc nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau:
 - i. tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
 - ii. ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo yêu cầu của pháp luật liên quan;
 - iii. cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
 - iv. cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành với các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - v. chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- b. Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- c. Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- d. Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào: (i) trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; (ii) trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; (iii) cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch;
- e. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- f. Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- g. Quỹ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ trở lên.

Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư:

- a. Vào đơn vị quỹ của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- b. Trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hóa.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra ở trên ngoại trừ điểm (e) chỉ vì các lý do sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b. Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- c. Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d. Các hoạt động hợp nhất, sáp nhập và thu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- e. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; hoặc
- f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày sai lệch xảy ra và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.3*).

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và ngoài ra, những báo cáo này không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán được chấp nhận phổ biến ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Các kỳ kế toán năm sau của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và báo cáo tài chính được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam (“VND”).

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết và chứng chỉ tiền gửi.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
 ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Thông tin về giá yết cuối ngày được lấy trên trang web chính thức của Sở giao dịch chứng khoán. Trường hợp không có thông tin về giá yết cuối ngày, giá sử dụng là giá giao dịch bình quân trong ngày, được tính dựa trên thông tin giao dịch công bố trên trang web chính thức của Sở giao dịch chứng khoán. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá; hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến ngày định giá; hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường hơn $\pm 10,0\%$ khi so sánh với giá từ hệ thống báo giá; là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discount cash flow) áp dụng đối với trái phiếu có thời hạn nắm giữ còn lại trên 1 năm; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. <p>Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.</p>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
 ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá trị trung bình dựa trên báo giá của ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discount cash flow) áp dụng đối với trái phiếu có thời hạn nắm giữ còn lại trên 1 năm; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. <p>Trường hợp trái phiếu chính phủ/ trái phiếu chính phủ bảo lãnh/ trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.</p>
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá; hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến ngày định giá; là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. <p>Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.</p>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
9.	Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình của các báo giá trong trường hợp có ít nhất hai báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quý chấp thuận.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quý chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quý chấp thuận.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: - Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc - Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max}\{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{Giá phát hành cổ phiếu mới}) \times \text{tỷ lệ thực hiện quyền}\}$ Trong đó: Tỷ lệ thực hiện quyền = $\frac{\text{Số cổ phiếu được mua}}{\text{Số lượng quyền mua sở hữu}}$.
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ có thể được Quý mang đi thế chấp trong các giao dịch bán và cam kết mua lại trái phiếu Chính phủ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 *Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ*

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

3.5 *Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn*

3.5.1 *Vốn chủ sở hữu*

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tòa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.5.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.5.3 *Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư*

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "Lợi nhuận chưa phân phối" vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư

Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 thì Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng của Quỹ.

(i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ là 0,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, được tính và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ.

(ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng và được miễn áp dụng trong giai đoạn sáu (6) tháng đầu tiên kể từ ngày Điều lệ Quỹ có hiệu lực. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư (tiếp theo)

(iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.8.2 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý tại ngày trước ngày định giá, với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Đối với giai đoạn sáu (6) tháng đầu tiên kể từ ngày Điều lệ Quý có hiệu lực, mức tối thiểu áp dụng là 11.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.3 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,04% một năm trên giá trị tài sản ròng của Quý tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Đối với giai đoạn sáu (6) tháng đầu tiên kể từ ngày Điều lệ Quý có hiệu lực, mức tối thiểu áp dụng là 11.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán... Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 đồng trên mỗi giao dịch.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quý với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quý không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quý có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quý trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quý trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quý trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quý đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quý. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, chứng khoán niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i> <u>VND</u>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	190.248.886
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ	107.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng bằng VND	6.673.864.751
<i>Bao gồm tiền gửi tại:</i>	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.073.864.751
- Ngân hàng TMCP Á Châu	2.600.000.000
	<u>6.971.113.637</u>

**Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Chênh lệch đánh giá lại				
	Giá mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị đánh giá lại VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2019					
Trái phiếu doanh nghiệp	22.285.274.657	22.165.067.400	-	(120.207.257)	22.165.067.400
Chứng chỉ tiền gửi	30.028.366.299	30.028.366.299	-	-	30.028.366.299
	52.313.640.956	52.193.433.699	-	(120.207.257)	52.193.433.699

Trái phiếu doanh nghiệp bao gồm:

- Trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và Công ty Cổ phần Vinhomes phát hành với tổng giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 17.165.067.400 VND, có kỳ hạn từ 2 đến 3 năm, lãi suất từ 10,00%/năm đến 10,85%/năm, lãi trả 6 tháng/lần;
- Trái phiếu chưa niêm yết do Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô phát hành với giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 5.000.000.000 VND, có kỳ hạn 15 tháng, lãi suất 10,00%/năm, lãi trả 6 tháng/lần.

Chứng chỉ tiền gửi do Công ty tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam), Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam phát hành với tổng giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 30.028.366.299 VND, có kỳ hạn từ 1 đến 2 năm và lãi suất từ 8,80%/năm đến 10,30%/năm.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
 ngày 31 tháng 12 năm 2019

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Số cuối năm VND</i>
Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận	
Tiền lãi dự thu đến cuối kỳ	908.036.178
Tiền lãi từ trái phiếu	97.365.753
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	798.857.534
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	11.812.891
Tiền lãi dự thu trước mua	497.563.014
Tiền lãi từ trái phiếu	205.212.329
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	292.350.685
	<u>1.405.599.192</u>

7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<i>Số cuối năm VND</i>
Phải trả cho các Đại lý phân phối	2.199.300
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	9.084.105
	<u>11.283.405</u>

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm VND</i>
Phí kiểm toán	<u>85.800.000</u>

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	<i>Số cuối năm VND</i>
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành thủ tục xác nhận sở hữu chứng chỉ quỹ	<u>107.000.000</u>

10. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	<i>Số cuối năm VND</i>
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	45.985.651
Phải trả dịch vụ giám sát	12.100.000
Phải trả dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở	11.440.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000
	<u>80.525.651</u>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
ngày 31 tháng 12 năm 2019

11. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) VND	Phát sinh trong kỳ VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	5.658.181,28	315.751,99	5.973.933,27
Giá trị ghi theo mệnh giá	56.581.812.800	3.157.519.900	59.739.332.700
Thặng dư vốn (*)	4.262	9.779.830	9.784.092
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	56.581.817.062	3.167.299.730	59.749.116.792
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	-	45.552,72	45.552,72
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	455.527.200	455.527.200
Thặng dư vốn	-	3.505.460	3.505.460
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	-	459.032.660	459.032.660
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	5.658.181,28	270.199,27	5.928.380,55
Giá trị vốn góp hiện hành	56.581.817.062	2.708.267.070	59.290.084.132
Lợi nhuận chưa phân phối	-	995.408.828	995.408.828
Giá trị tài sản ròng của Quý	56.581.817.062		60.285.492.960
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	10.000,00		10.168,96

(*) Thặng dư vốn tại ngày 9 tháng 8 năm 2019 là phần thặng dư vốn phát sinh do việc làm tròn số chứng chỉ quỹ phát hành trong đợt IPO.

12. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	1.115.616.085
Lỗ chưa thực hiện	(120.207.257)
	995.408.828

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

13. CHÈNH LỆCH GIÁM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán VND</i>	<i>Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại ghi nhận cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND</i>
Trái phiếu niêm yết	17.285.274.657	17.165.067.400	(120.207.257)	(120.207.257)
Trái phiếu chưa niêm yết	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	30.028.366.299	30.028.366.299	-	-
	52.313.640.956	52.193.433.699	(120.207.257)	(120.207.257)

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND</i>
Tiền lãi đã nhận trong kỳ	722.827.668
Tiền lãi từ trái phiếu	307.397.290
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	402.130.827
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	13.299.551
Tiền lãi dự thu đến cuối kỳ	908.036.178
Tiền lãi từ trái phiếu	97.365.753
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	798.857.534
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	11.812.891
	1.630.863.846

15. CHI PHÍ ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND</i>
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	3.393.014

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

15. CHI PHÍ ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên (mã) các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong kỳ	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(5)	(7)	(8)
1	Công ty cổ phần chứng khoán MB	Không liên quan	3.101.130.000	22.834.870.548	13,58%	0,015%	0%-0,15%
2	Công ty cổ phần chứng khoán SSI	Không liên quan	6.227.460.000	22.834.870.548	27,27%	0,020%	0%-0,15%
3	Công ty Cổ phần chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	8.411.760.000	22.834.870.548	36,84%	0,020%	0%-0,15%
Tổng			17.740.350.000		77,69%		

(*) Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ có tính đến toàn bộ giao dịch của trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

Cho kỳ kế toán từ ngày 9
tháng 8 năm 2019 đến
ngày 31 tháng 12 năm
2019
VND

Giá dịch vụ quản lý quỹ mở	211.207.958
Giá dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở	54.369.290
<i>Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản</i>	52.161.290
<i>Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán</i>	2.200.000
<i>Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam</i>	8.000
Giá dịch vụ giám sát	57.377.419
Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	47.903.226
Chi phí kiểm toán	85.800.000
Chi phí hoạt động khác	55.196.854
<i>Thù lao Ban Đại diện Quỹ</i>	47.419.354
<i>Phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</i>	5.000.000
<i>Phí ngân hàng</i>	2.777.500
	<hr/>
	511.854.747

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
09/08/2019	56.581.817.062	5.658.181,28	10.000,00	0,00
Kỳ 1 Tháng 8/2019	56.566.877.497	5.658.181,28	9.997,36	(2,64)
Kỳ 2 Tháng 8/2019	57.174.429.713	5.716.887,68	10.000,97	3,61
Kỳ cuối Tháng 8/2019	57.279.998.413	5.724.341,94	10.006,39	5,42
Kỳ 1 Tháng 9/2019	57.297.612.949	5.724.341,94	10.009,46	3,07
Kỳ 2 Tháng 9/2019	58.463.391.785	5.836.383,91	10.017,05	7,59
Kỳ 3 Tháng 9/2019	58.564.715.666	5.842.140,08	10.024,53	7,48
Kỳ 4 Tháng 9/2019	58.677.944.647	5.848.089,46	10.033,69	9,16
Kỳ cuối Tháng 9/2019	59.157.414.153	5.890.859,49	10.042,23	8,54
Kỳ 1 Tháng 10/2019	59.165.707.988	5.890.859,49	10.043,64	1,41
Kỳ 2 Tháng 10/2019	59.173.218.828	5.885.828,93	10.053,50	9,86
Kỳ 3 Tháng 10/2019	59.385.873.400	5.901.173,70	10.063,40	9,90
Kỳ 4 Tháng 10/2019	59.483.902.074	5.907.794,10	10.068,71	5,31
Kỳ 5 Tháng 10/2019	59.552.415.663	5.908.898,48	10.078,42	9,71
Kỳ cuối Tháng 10/2019	59.619.740.256	5.914.816,06	10.079,72	1,30
Kỳ 1 Tháng 11/2019	59.656.227.174	5.914.816,06	10.085,89	6,17
Kỳ 2 Tháng 11/2019	59.729.784.907	5.916.294,34	10.095,81	9,92
Kỳ 3 Tháng 11/2019	59.702.196.180	5.906.681,42	10.107,57	11,76
Kỳ 4 Tháng 11/2019	59.811.617.301	5.910.603,30	10.119,37	11,80
Kỳ cuối Tháng 11/2019	59.865.015.803	5.913.451,87	10.123,53	4,16

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
Kỳ 1 Tháng 12/2019	59.902.176.070	5.913.451,87	10.129,81	6,28
Kỳ 2 Tháng 12/2019	59.945.292.082	5.913.049,99	10.137,79	7,98
Kỳ 3 Tháng 12/2019	60.169.981.373	5.924.163,70	10.156,70	18,91
Kỳ 4 Tháng 12/2019	60.286.402.694	5.928.210,57	10.169,40	12,70
Kỳ cuối Tháng 12/2019	60.285.492.960	5.928.380,55	10.168,96	(0,44)
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	59.058.340.539			
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất:				18,91
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất:				(2,64)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
ngày 31 tháng 12 năm 2019

18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<u>Số cuối năm</u>
Đến một năm	<u>5.928.380,55</u>

19. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỞ

	<u>Năm nay</u>
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	2,20
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	111,49

19.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong kỳ (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

19.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

20. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quý. Quý cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

20.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền, tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quý nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quý do Quý nắm giữ chủ yếu các chứng khoán nợ của các tổ chức tài chính có lãi suất cố định.

Quý không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quý là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp và Quý đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi có lãi suất cố định tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro về giá trái phiếu niêm yết

Các trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp niêm yết do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quý quản lý rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quý cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của Quý là 17.165.067.400 VND. Nếu giá của các trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quý sẽ giảm khoảng 1.716.506.740 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quý sẽ tăng lên khoảng 1.716.506.740 đồng.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quý được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quý là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quý là không có do Quý không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
ngày 31 tháng 12 năm 2019

20. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quý chủ yếu duy trì số dư tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng và các tổ chức tín dụng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quý theo chính sách của Quý. Quý nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quý là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quý (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

20.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quý đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quý giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

21. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	6.971.113.637	6.971.113.637
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	297.248.886	297.248.886
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	6.673.864.751	6.673.864.751
Các khoản đầu tư thuần	52.193.433.699	52.193.433.699
- Trái phiếu doanh nghiệp	22.165.067.400	22.165.067.400
- Chứng chỉ tiền gửi	30.028.366.299	30.028.366.299
Các khoản phải thu	1.405.599.192	1.405.599.192
	60.570.146.528	60.570.146.528
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	11.283.405	11.283.405
Chi phí kiểm toán phải trả	85.800.000	85.800.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	107.000.000	107.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	80.525.651	80.525.651
	284.609.056	284.609.056

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ và phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.
- Giá trị hợp lý của chứng chỉ tiền gửi được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

22.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

*Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8
năm 2019 đến ngày
31 tháng 12 năm 2019
VND*

Giá dịch vụ quản lý quỹ mở **211.207.958**

b) Thù lao của Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

*Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng
8 năm 2019 đến ngày
31 tháng 12 năm 2019
VND*

Thù lao Ban Đại diện Quỹ **47.419.354**

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số cuối năm</i>	
		<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ nắm giữ (%)</i>
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	5.000.000,00	84,34
Bên liên quan khác		19.129,49	0,32
		5.019.129,49	84,66

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

22.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) và giá dịch vụ lưu ký là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng). Đối với giai đoạn sáu (6) tháng đầu tiên kể từ ngày Điều lệ Quý có hiệu lực, mức tối thiểu áp dụng cho giá dịch vụ lưu ký và giá dịch vụ giám sát là 11.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm, tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và được miễn áp dụng trong giai đoạn sáu (6) tháng đầu tiên kể từ ngày Điều lệ Quý có hiệu lực.

Ngoài ra, Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 đồng trên mỗi giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong kỳ như sau:

Cho kỳ kế toán từ ngày 9
tháng 8 năm 2019 đến
ngày 31 tháng 12 năm
2019
VND

Giá dịch vụ giám sát	57.377.419
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	52.161.290
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	2.200.000
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	13.299.551
Phí ngân hàng	2.777.500

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) B06-QM
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) đến
ngày 31 tháng 12 năm 2019

23. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

